

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày 20 tháng 11 năm 2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng thuê khoán
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RChâm Đương

2. Bà Bùi Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên;

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty C; địa chỉ: Số B, đường T, phường H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty C1; địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến L; Chức vụ: Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty C1; địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Ông Trịnh Tuấn A; Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kế toán Công ty C1; địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là Tổng Công ty C và người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Công ty C1 (Công ty C1) là chi nhánh của Tổng Công ty C. Ngày 01/9/2014 Công ty C1 tuyển

dụng bà Nguyễn Thị D làm công nhân chăm sóc cà phê theo Quyết định số 83/QĐ-2014 ngày 01/9/2014. Công ty C1 với bà D có giao kết Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2018 – 2022 số B.58 ngày 10/9/2018. Theo đó, Công ty C1 giao khoán cho bà D vườn cây cà phê thuộc thửa đất số 938, tờ bản đồ số 1 thuộc đội 2, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Thời hạn khoán là 05 năm, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2022. Khi nhận khoán thì toàn bộ vườn cây cà phê đều là loại B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng là bỏ vườn cây cà phê giao nhận khoán không chăm sóc, để vườn cây xuống cấp, hư hỏng, bỏ đi khỏi địa phương nên Công ty C1 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán theo Quyết định số 24 QĐ/CD-HĐGNK ngày 21/02/2022 và cho bà D nghỉ việc theo Quyết định số 20/QĐ ngày 28/02/2022.

Căn cứ theo Biên bản kiểm tra hiện trạng vườn cây ngày 22/01/2022 và Quy định về việc bồi thường thiệt hại vườn cây nhận khoán được Công ty C1 ban hành theo Quyết định số 18/GĐ-QĐ ngày 07/9/2021 đã được phổ biến đến từng đội sản xuất và người lao động thì tại vườn cây cà phê bà D nhận khoán có 0,4 ha cây cà phê trồng năm 2012 loại C tuy nhiên Công ty C1 chỉ yêu cầu bà D bồi thường thiệt hại đối với 0,1 ha cây cà phê trồng năm 2012 loại C. Đến nay thì hiện trạng vườn cây cà phê đã có sự thay đổi do sau khi chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán đối với bà D thì Công ty C1 đã giao cho người khác nhận khoán. Theo điểm 3 Điều 4 tại Quy định về việc bồi thường thiệt hại vườn cây nhận khoán thì “Đối với vườn cây để xuống cấp từ loại B xuống loại C phải bồi thường bằng 50% đơn giá”. Tính cụ thể là: 0,1 ha x 74.448.858 đồng (là giá trị còn lại của vườn cây) x 50% = 3.722.443 đồng. Về giá trị còn lại của vườn cây là 74.448.858 đồng dựa trên căn cứ là Bảng tính khấu hao tài sản cố định năm 2021 tính trên 01 ha.

Căn cứ theo Hợp đồng và Phương án giao nhận khoán thì Công ty C1 thực hiện việc nộp thay tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà D và bà D ứng trước của Công ty 706 các loại vật tư phân bón, đến khi nộp sản lượng khoán hàng năm thì bà D có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền mà Công ty C1 đã nộp thay cho bà D và các loại vật tư phân bón đã tạm ứng. Tính đến nay thì bà D còn nợ Công ty C1 số lượng sản phẩm giao khoán là 3.927kg cà phê quả tươi, các loại vật tư phân bón và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 195.448.084 đồng. Công ty đã nộp cho Tòa án Bảng tổng hợp công nợ ngày 31/12/2023 và danh sách xác nhận công nợ năm 2021 có chữ ký xác nhận của bà D để chứng minh cho khoản nợ này gồm: Số tiền nợ phát sinh đến năm 2021 là 154.624.812 đồng, số tiền nợ này bà D có ký xác nhận nợ; Số tiền bảo hiểm xã hội mà Công ty C1 đã nộp cho bà D trong tháng 01 và 02 năm 2022 là 806.589 đồng; Tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng của số tiền nợ năm 2022 là 154.624.812 đồng, thành tiền là 18.850.762 đồng; Tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng của số tiền nợ năm 2023 là 174.282.163 đồng, thành tiền là 21.204.330 đồng; Số tiền cơ quan Bảo hiểm xã hội hoàn trả cho người lao động 0,5% là 38.409 đồng, số tiền này được Công ty C1 trừ vào số tiền bà D nợ Công ty C1.

Tại đơn khởi kiện Tổng Công ty C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho Tổng Công ty C thông qua Chi nhánh Tổng Công ty C - Công ty C1 các khoản nợ gồm: Số tiền thiệt hại do bà Nguyễn Thị D để vườn cây nhận khoán xuống cấp là 3.722.443 đồng; Số tiền bà Nguyễn Thị D vay, nợ các loại vật tư phân bón và các khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 195.448.084 đồng và sản phẩm giao khoán là 3.927 kg cà phê quả tươi quy thành tiền theo giá thị trường. Tại phiên tòa, Công ty C1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến yêu cầu trả sản phẩm giao khoán, không yêu cầu bà D trả sản phẩm giao khoán bằng tiền mà yêu cầu bà D trả sản phẩm giao khoán là 3.927 kg cà phê quả tươi theo đúng hợp đồng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đề triệu tập bị đơn là bà Nguyễn Thị D đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà Nguyễn Thị D cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà Nguyễn Thị D.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Đơn đề nghị nhận khoán ngày 28/6/2018; Biên bản giao nhận khoán vườn cây ngày 10/9/2018; Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê số B.58/HĐG-NK ngày 10/9/2018; Bảng tổng hợp công nợ ngày 31/12/2023; Bảng tổng hợp thanh toán công nợ đội 2 năm 2021; Quyết định số 83 ngày 01/9/2014; Hợp đồng lao động ngày 01/9/2014 ; Quyết định số 20 ngày 28/02/2022; Quyết định số 24 ngày 21/02/2022; Quy định về bồi thường thiệt hại vườn cây nhận khoán; Quyết định số 137 ngày 18/7/2023 ; Giấy ủy quyền số 01 ngày 01/7/2024; Quyết định số 508 ngày 09/12/2010; Quyết định số 22 ngày 20/2/2023; 02 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Quyết định số 1697 ngày 05/05/2017 và Điều lệ của Tổng Công ty C; Quyết định số 01 ngày 23/01/2021; Quyết định số 02 ngày 23/01/2021; Bảng kê chi tiết bảo hiểm xã hội năm 2022 + năm 2023; Biên bản giao ban công ty ngày 30/9/2021; Công văn số 959 ngày 20/8/2024 kèm theo danh sách; Chi tiết đền bù thiệt hại công nhân Nguyễn Thị D ngày 25/01/2022; Quyết định số 18/GĐ-QĐ ngày 07/9/2021 và Quy định về việc bồi thường thiệt hại vườn cây nhận khoán; Biên bản kiểm tra hiện trạng vườn cây ngày 22/01/2022; Bảng tổng hợp công nợ ngày 31/12/2023; Bảng tính khấu hao tài sản cố định năm 2021; Bảng tính khấu hao tài sản cố định năm 2022 các vườn 2009 đến 2018; Hồ sơ gia hạn phương án khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2011 – 2015 thêm 02 năm (năm 2016-2017; Phương án khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2018 – 2022; Phương án khoán sản xuất vườn cây cà phê chu kỳ 2011 – 2015; Biên bản lấy lời khai của đương sự là ông Nguyễn Tiến L ngày 27/8/2024; Biên bản xác minh ngày 26/7/2024 của Tòa án; Văn bản số 497/TCKH-ĐG ngày 20/11/2024 về việc cung cấp giá cà phê tươi.

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo

quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả các khoản nợ gốc là 154.624.812 đồng và mức lãi suất 1%/tháng (không chấp nhận tính cộng dồn cả gốc và lãi như cách tính của nguyên đơn); nợ sản phẩm 3.927kg cà phê quả tươi; Số tiền bảo hiểm xã hội mà nguyên đơn đã nộp trong tháng 1 và tháng 2 năm 2022 là 806.589 đồng; bồi thường thiệt hại do để vườn cây nhận khoán xuống cấp là 3.722.443 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

.....[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được xem xét, giải quyết; Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Đơn đề nghị nhận khoán ngày 28/6/2018, Biên bản giao nhận khoán vườn cây ngày 10/9/2018, Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê số B.58/HĐG-NK ngày 10/9/2018, Biên bản kiểm tra hiện trạng vườn cây ngày 22/01/2022 và Bảng tổng hợp công nợ ngày 31/12/2023 và danh sách xác nhận công nợ năm 2021 có chữ ký thể hiện bà Nguyễn Thị D xác nhận thể hiện bà D còn nợ Công ty 706 gồm số lượng sản phẩm giao khoán là 3.927kg cà phê quả tươi, số tiền nợ phát sinh đến năm 2021 là 154.624.812 đồng. Công ty C1 cũng đã cung cấp chứng cứ là Bảng kê chi tiết liên quan đến số tiền bảo hiểm xã hội mà Công ty C1 đã nộp cho bà D trong tháng 01 và 02 năm 2022 là 806.589 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng của số tiền nợ năm 2022 là 18.850.762 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng của số tiền nợ năm 2023 là 21.204.330 đồng theo mức lãi suất đã được Công ty C1 thông báo đến người lao động tại Thông báo số 01/TB-KT ngày 01/01/2022, số tiền cơ quan Bảo hiểm xã hội hoàn trả cho người lao động 0,5% là 38.409 đồng được trừ vào số tiền bà D nợ Công ty C1.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị D không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì phản đối nội dung các chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp và lời khai của phía nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ cho Công ty C1.

Đối với ý kiến của Viện kiểm sát về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phần tiền lãi do Công ty C1 nhập số tiền lãi năm 2022 là 18.850.762 đồng vào nợ gốc để tính tiền lãi năm 2023 chênh lệch là 2.353.560 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Điều 3 Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê số B.58/HĐG-NK ngày 10/9/2018 thể hiện “Các khoản công nợ, vay, ứng phải thanh toán trước ngày 31/12 năm thu hoạch” nên việc chốt công nợ của Công ty C1 được thực hiện hàng năm theo năm tài chính, không phải là hợp đồng vay, Công ty nhập tiền nợ lãi năm 2022 vào tổng số tiền nợ của bà D để tính tiền nợ lãi năm 2023 là đúng nên chấp nhận yêu cầu của Công ty về tiền lãi.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 274, Điều 275, Điều 279, Điều 280, Điều 356, Điều 357, Điều 483, Điều 486, Điều 488, Điều 492 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty C, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho Tổng Công ty C thông qua Chi nhánh Tổng Công ty C - Công ty C1 các khoản nợ gồm: Số tiền thiệt hại do bà Nguyễn Thị D để vườn cây nhận khoán xuống cấp là 3.722.443 đồng; Số tiền bà Nguyễn Thị D vay các loại vật tư phân bón, tiền lãi và các khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 195.448.084 đồng. Tổng cộng là 3.722.443 đồng + 195.448.084 đồng = 199.170.527 đồng và sản phẩm giao khoán là 3.927 kg cà phê quả tươi x 25.000 đồng/kg (giá tại thời điểm xét xử là 25.000 đồng/1kg) = 98.175.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà D phải thanh toán là 199.170.527 đồng + 98.175.000 đồng = 297.345.527 đồng.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 279, Điều 280, Điều 356, Điều 357, Điều 483, Điều 486, Điều 488, Điều 492 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty C.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho cho Tổng Công ty C thông qua Chi nhánh Tổng Công ty C - Công ty C1 số tiền là 199.170.527 đồng (một trăm chín mươi chín triệu một

trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng) và là 3.927 kg cà phê quả tươi (tại thời điểm xét xử có giá trị là 98.175.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.867.276 đồng (mười bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng); Hoàn trả lại cho Tổng Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.544.085 đồng (bảy triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009670 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Văn Đính